

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 114****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bốn, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, đọc từ câu “*Gia Tường Pháp Hoa Sở*”:

“*Gia Tường Pháp Hoa Sở* ngũ viết: ‘*Pháp Tánh tức thị Thật Tướng, Tam Thừa đặc đạo, mạc bất do chi*’. *Hựu Chỉ Quán nhất viết: Pháp Tánh danh vi Thật Tướng, thượng phi Nhị Thừa cảnh giới, hà hướng phạm phu*” (Bộ Pháp Hoa Sở của ngài Gia Tường đã viết: “Pháp Tánh chính là Thật Tướng, Tam Thừa đặc đạo không ai chẳng do nó”. Lại nữa, sách Chỉ Quán giảng: “Pháp Tánh có tên là Thật Tướng, còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị Thừa, hướng gì phạm phu”). Đoạn này vẫn nhằm giải thích “*thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng*”, hai câu này là “thông đạt tánh - tướng”. Trong phần trước, chúng ta thấy lão cư sĩ Niệm Tổ trích dẫn sách Duy Thức Thuật Ký của Khuy Cơ đại sư và sách Đại Thừa Nghĩa Chương nói về Pháp Tánh và Pháp Tướng. Hôm nay, chúng ta xem tiếp, thấy trong Pháp Hoa Kinh Sở cũng là ý nghĩa này. Pháp Tánh là Thật Tướng, chúng ta đã học trong phần trước. “*Tam Thừa đặc đạo, mạc bất do chi*” (Tam Thừa đặc đạo, không ai chẳng do nó). Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, thông thường còn gọi là Đại Thừa, Trung Thừa, và Tiểu Thừa. Tu hành chứng quả đều là minh tâm kiến tánh; trên thực tế, chỉ có Bồ Tát tu hành mới là kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật. Trong Hoa Nghiêm, họ còn được gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Kiến tánh là chứng đắc Pháp Thân; trong phần trước, các đồng học chúng ta đều học tập cả rồi. Bởi lẽ, chúng đắc Pháp Thân sẽ thật sự hiểu được, khẳng định “hết thấy vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Đó là kiến tánh, là chứng đắc Pháp Thân. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, từ vô thi kiếp tới nay, chúng ta đã dưỡng thành một thói quen, “ta là ta, quý vị là quý vị, người khác là người khác”, làm sao là một Thể cho được? Há có lẽ ấy? Dầu thế nào cũng chẳng thể thừa nhận, chúng ta ngỡ đó là chân tướng sự thật, nhưng Phật, Bồ Tát bảo chúng ta đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Đúng là một Thể. Phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc? Đức Phật dạy: Quý vị chẳng còn chấp trước nữa. Chẳng còn chấp trước thân này là ta, thân kia là quý vị, thân nọ là của người khác. Chẳng có sự chấp trước ấy, thật sự đoạn chấp trước sẽ là gì? Đó là phá Thân Kiến.

Chúng ta minh tâm kiến tánh, đạt tới giai đoạn thứ nhất, đã có thành quả, chẳng còn nhận biết cái thân này là chính mình, thân là gì? Thân là cái của ta có (ngã sở hữu), quyết định chẳng phải là chính mình. Giống như quần áo, quần áo là cái ta có, chẳng phải là chính mình, chúng ta khẳng định điều này. Tiến hơn bước nữa, Phật mong chúng ta hãy khẳng định, thân chẳng phải là chính mình, thân là cái ta có. Thân này là cái ta có, còn thân của người khác thì sao? Cũng là cái ta có. Cây cối, hoa, cỏ là cái ta có; núi, sông, đại địa cũng là cái ta có. Đó là cái ta có, chẳng phải là ta. Có thể khẳng định và nhận thức như vậy thì mới có thể chứng quả A La Hán, Phật pháp nói người ấy đã chứng đắc Chánh Giác.

Tiểu Thừa trong Tam Thừa đặc đạo có cách nhìn đối với vũ trụ và nhân sinh khác chúng ta, Bồ Tát càng cao hơn họ. Bồ Tát không chỉ chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng chẳng có. Do vậy, Tiểu Thừa A La Hán đặc tâm thanh tịnh. Chỉ cần chấp trước thân này là ta, thân kia là của quý vị, thân nọ là của người khác, tâm thanh tịnh của chúng ta chẳng thể khôi phục! Trong kinh đã dạy chúng ta tiêu chuẩn tu hành là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chúng ta chẳng đạt được tâm thanh tịnh tức là tu hành chẳng có công phu, chẳng được thọ dụng. Tu hành chẳng có công phu, chẳng được thọ dụng, phiền phức ở chỗ nào? Phiền phức là đời đời kiếp kiếp vẫn phải tiếp tục luân hồi. Thật sự đạt đến cảnh giới A La Hán, biết thân chẳng phải là ta, đoạn hết Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi chẳng thấy nữa, giống như nằm mộng. Tỉnh mộng, chẳng thấy lục đạo luân hồi nữa! Sau khi chẳng thấy, cảnh giới đó là cảnh giới A La Hán, bốn thánh pháp giới xuất hiện. Bốn thánh pháp giới vẫn chưa phải là thật, vẫn là cảnh mộng, vì họ có Trần Sa phiền não, có Vô Minh phiền não, ắt phải đoạn Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não là gì? Phân biệt. Vô lượng vô biên phân biệt ví như bụi cát, vọng niệm phân biệt nhiều như bụi cát, [nên gọi là Trần Sa phiền não]. Buông phân biệt xuống, chẳng còn phân biệt nữa, phân biệt chẳng có gì tốt đẹp! Vì sao? Nó là hư vọng, chẳng thật! Kinh dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, kinh Đại Bát Nhã dạy như thế. Như vậy thì mới có thể chứng đắc cảnh giới Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát, tức là “*bình đẳng*” trong tựa đề kinh, tâm bình đẳng hiện tiền, trong hết thấy cảnh giới, quý vị chẳng còn phân biệt nữa! Phật và chúng sanh bình đẳng, kinh Đại Thừa thường nói “*sanh, Phật bình đẳng*”, [nghĩa là] chúng sanh và Phật bình đẳng. Tánh - tướng như nhau, Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, chẳng hai. Pháp Tánh có thể sanh, có thể hiện, Pháp Tướng là cái được sanh, cái được hiện, chúng là một, chẳng hai! Lại cao hơn một bậc, không chỉ phân biệt, chấp trước chẳng còn, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Chẳng động tâm, không động niệm, trở về tự tánh, đó gọi là thành Phật, là giác, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây là Phật. Thanh Văn, Duyên Giác, và Phật được gọi chung là Tam Thừa. Tam Thừa đặc đạo có quan hệ mật thiết với Pháp Tánh, với Thật Tướng. A La Hán chứng đắc ít phần, Bồ Tát chứng đắc nhiều phần, Phật chứng đắc viên mãn.

Kể đó, “*Chỉ Quán nhất viết*” (sách Chỉ Quán cuốn một nói), đây là bộ Ma Ha Chỉ Quán của ngài Thiên Thai, trong quyển thứ nhất có nói: “*Pháp Tánh danh vi Thật Tướng, thượng phi Nhị Thừa cảnh giới, hà huống phàm phu*” (Pháp Tánh có tên là Thật Tướng, còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị Thừa, huống hồ phàm phu), nói nghiêm ngặt hơn bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường. Pháp Hoa Sớ nói theo nghĩa rộng, sách Chỉ Quán giảng theo nghĩa hẹp, chỉ chấp nhận sự chứng đắc của Như Lai mới là Pháp Tánh, [sự chứng đắc của] A La Hán và Bồ Tát đều chẳng kể tới, nhất định là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do trong Tam Thừa nói A La Hán là tiểu ngộ, nên gọi Tiểu Thừa; Bồ Tát là đại ngộ, xưng là Đại Thừa, nhưng chưa triệt ngộ. Triệt ngộ mới thành Phật, mới minh tâm kiến tánh. Nói thông thường, các vị A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh, các Ngài chỉ là tiếp cận, từng bước tiến gần bờ mé. Hai cách nói này đều hợp lý, chúng ta hiểu rõ là được rồi. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Tiểu Thừa và Đại Thừa còn chưa làm được, huống gì phàm phu?

“*Hoa Nghiêm Tông vị Chân Như hữu bất biến dữ tùy duyên nhị nghĩa*” (Tông Hoa Nghiêm bảo Chân Như có hai nghĩa là bất biến và tùy duyên), Chân Như là Pháp Tánh, Chân Như là Thật Tướng, quả thật là có hai ý nghĩa bất biến và tùy duyên. “*Dĩ tùy duyên nghĩa, biến tạo nhất thiết chư pháp*” (do nghĩa tùy duyên, tạo khắp hết thảy các pháp), tùy duyên mới có thể tạo khắp hết thảy các pháp. “*Cố xưng Chân Như vi Pháp Tánh*” (vì thế, gọi Chân Như là Pháp Tánh), đó là tùy duyên. Giống như hoàng kim có thể thuận theo ý nghĩ của chúng ta, chúng ta chế nó thành đủ mọi món trang sức, thuận theo ý nghĩ của con người, nó tùy duyên, nó có biến đổi hay không? Nó bất biến! Bất luận quý vị tạo thành món gì, bản chất của nó vẫn là vàng, bất biến mà tùy duyên, tùy duyên nhưng vẫn bất biến; do vậy, nó là thật. Tướng thì sao? Tướng là giả, vì tướng có thể biến đổi bất cứ lúc nào. Chúng ta thích hình dạng nào, bèn có thể chế lại [món đồ theo hình dạng mới ấy]. Vì vậy, gọi Chân Như là Pháp Tánh. “*Hữu dĩ bất biến cố, tuy tùy duyên biến tạo nhiệm tịnh, hữu tình dữ vô tình chủng chủng vạn pháp, nhi Chân Như bất cải, bất biến*” (Lại do bất biến nên tùy duyên tạo khắp nhiệm và tịnh, hữu tình và vô tình, muôn loại pháp, nhưng Chân Như chẳng đổi, chẳng biến). Giống như chúng tôi vừa dùng vàng làm tỷ dụ, vàng là Pháp Tánh, là Chân Như, chế nó thành nhẫn, hay thành vòng đeo cổ, thành vòng đeo tay, cho đến làm thành cái đĩa, hay chế thành chén trà, bất luận làm thành vật gì, vàng vẫn chẳng thay đổi, cho nên nó có thể tùy duyên. Tùy duyên, nói thật ra là tùy cái duyên nào? Tùy thuận ý niệm của chúng sanh, mà cũng là tùy thuận vọng tưởng của chúng sanh, khởi vô lượng vô biên biến hóa. Tuy khởi biến hóa, nhưng bản chất của nó bất biến, phải hiểu đạo lý này! Quý vị thấy trên thế giới này có bao nhiêu động vật, con người là một loại động vật, thực vật lại có bao nhiêu loài, khoáng vật lại có bao nhiêu thứ? Chẳng thể kể xiết! Đây là Chân Như tùy duyên, nhưng Thể của Chân Như bất biến. Thể của Chân Như là gì? Trong phần trước đã nói rất nhiều! Thật Tướng, pháp giới, Niết Bàn, Thật Tế, chỉ nêu ra mấy danh từ ấy. Trong kinh Phật có hơn mấy chục loại danh từ, đều nhằm nói về cùng một chuyện. Trong phần trước, tôi đã thưa bày cùng quý vị vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật đối với chuyện này bèn nói ra lắm danh tướng như thế? Nói nhiều danh từ thuật ngữ như vậy nhằm dụng ý dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự. Danh là giả danh, quý vị hiểu ý nghĩa của nó là được rồi, nói như thế nào đều được! Chúng là giả danh, nhằm giúp chúng ta lìa tướng danh tự, chẳng chấp trước tướng danh tự, như vậy là đúng. Pháp Tánh chẳng có lúc nào không tồn tại, không chỗ nào chẳng tồn tại. Nó là bản thể của hết thảy vạn pháp, chẳng phải là hiện tượng tinh thần, mà cũng chẳng phải hiện tượng vật chất. Tuy tồn tại, ở ngay trước mặt chúng ta, nhưng mắt chúng ta chẳng nhìn thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, sáu căn chẳng tiếp xúc tới. Nó thật sự có, nhưng sáu căn đều chẳng tiếp xúc đến, nên gọi là Không.

Rất nhiều đồng học niệm Bát Nhã Tâm Kinh thuộc lòng, kinh đã dạy rõ ràng: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Sắc và Không là một, chẳng hai. Sắc - Không bất nhị. Chúng ta thấy rất khó hiểu, [đức Phật] nói những câu chân thật, đây là nói về mối quan hệ giữa Pháp Tánh và vật chất. Pháp Tánh và tinh thần có quan hệ ra sao? Phần sau Tâm Kinh lại nói: “*Thọ, Tướng, Hành, Thức, cũng giống như thế*”. Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần. Mối quan hệ giữa tinh thần và tự tánh giống hệt như mối quan hệ giữa vật chất và tự tánh, cho thấy vật chất và tinh thần đều do Pháp Tánh biến hiện. Pháp Tánh biến hiện thành vật chất, biến hiện thành tinh thần, sáu căn của chúng ta có thể tiếp xúc. Tiếp xúc được thì quý vị phải biết: [Cái mà

ta] tiếp xúc được chính là Pháp Tướng, còn Pháp Tánh thì sao? Pháp Tánh chẳng lia khỏi Pháp Tướng. Giống như vàng làm thành đồ trang sức, ta đem vàng làm thành một cái xuyên, vàng ở chỗ nào? Quý vị cầm lấy cái xuyên là [cầm được] vàng. Quý vị chấp trước cái xuyên, cái xuyên là Pháp Tướng, Thể của nó, tức bản chất của nó là Pháp Tánh. Vì lẽ đó, thấy tướng là thấy tánh. Vì sao chúng ta thấy tướng mà chẳng thấy tánh? Chúng ta thấy tướng bèn chấp tướng, chấp vào tướng mất rồi. Tánh ở ngay trước mặt mà mê, chẳng thấy tánh. Tướng có, tánh không, “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy*”. Chúng ta làm thế nào để thấy cái vòng bằng vàng là Không thì quý vị kiến tánh, phải có công phu ấy. Kẻ bình phàm chẳng thấy điều này, kẻ bình phàm chấp trước điều ấy là thật. [Chấp trước] “nó đúng là một cái xuyên”, chúng ta chẳng thấy nó là Không. Ai có thể thấy? Pháp Thân Bồ Tát thấy. Thừa cùng chư vị, A La Hán vẫn chưa thấy, A La Hán biết, nhưng chẳng thấy; Bồ Tát cũng biết, nhưng vẫn chưa thấy; Pháp Thân Bồ Tát thấy được, “*bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được*”, đúng như kinh Bát Nhã đã nói: “*Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”, Pháp Thân Bồ Tát thật sự thấy!

Các nhà Lượng Tử Lực Học hiện thời đã thấy, họ thấy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là gì? Là huyền tướng do vô lượng vô số ý niệm tích lũy liên tục sanh ra! Tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là như vậy, chẳng thật! Vì thế, kinh Bát Nhã đã dạy: “*Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai), thấy Như Lai là kiến tánh. Quý vị thấy Pháp Tánh; từ Pháp Tướng, quý vị thấy được Pháp Tánh. Câu này rất khó hiểu, chẳng phải là kiến thức thông thường, chẳng thuộc vào kinh nghiệm của chúng ta. Chẳng hạn như thứ chúng tôi đang cầm trên tay là gì? Đây là một quyển sách, chẳng sai, chúng ta đã thấy tướng. Người kiến tánh sẽ nói gì? Đó chẳng phải một quyển sách, chẳng có sách, mà là mấy chục trang giấy xếp lại. Họ thấy gì? Mấy chục trang giấy, chẳng phải một quyển sách, mấy chục trang giấy đó thôi! Thấy thứ này là mấy chục trang giấy xếp cùng một chỗ, cao minh hơn cách nhìn “đây là một quyển sách” nhiều lắm. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, chúng ta thấy một người là một thân thể; nhưng người khác sẽ thấy người ấy chẳng phải là thân thể, mà là một đống lớn gồm mấy trăm triệu, mấy ngàn triệu, mấy vạn triệu tế bào nguyên tử tụ tập cùng một chỗ! Người ấy nói chẳng sai! Chúng ta thấy đây là căn nhà, nhưng người xây dựng nhà nhìn nó sẽ chẳng thấy căn nhà, mà thấy trong ấy có bao nhiêu xi-măng, có bao nhiêu cốt thép, có bao nhiêu viên gạch, bao nhiêu miếng ngói, sắp xếp như thế nào, há có căn nhà? Đức Phật thấy khác với chúng ta. Các nhà khoa học nhìn một căn nhà, sẽ thấy căn nhà do cả đống hạt cơ bản hợp thành, họ chỉ thấy hạt cơ bản. Các nhà Lượng Tử Lực Học càng sắc sảo hơn, hạt cơ bản vẫn còn quá to, vẫn còn có thể chia tách, chia đến mức nhỏ nhất chẳng còn chia được nữa, bèn gọi là “lượng tử”. Căn nhà này là gì? Là lượng tử chất chứa, chẳng thấy cái nhà, đó gọi là “tử tướng mà thấy tánh”.

Quý vị chấp tướng, tướng bất bình đẳng. Quý vị thấy tánh, tánh là bình đẳng. Nói theo cách hiện thời, bất luận động vật, thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa, toàn là do lượng tử hợp thành. Vì sao có những thứ kết hợp thành chất rắn? Trong hiện tượng vật chất; cũng có những thứ kết hợp thành chất lỏng lan chảy giống như nước tuôn chảy. Có những thứ biến thành chất hơi, không khí cũng do lượng tử kết hợp thành. Lượng tử xuất hiện như thế nào? Do dao động sanh ra, vô cùng yếu ớt, lại còn hết sức nhanh chóng, nên

kết hợp thành những thứ ấy. Tần suất dao động khác nhau, tần suất chậm sẽ biến thành chất rắn, tần suất nhanh hơn một chút sẽ biến thành chất lỏng, mau hơn nữa sẽ biến thành chất hơi, không khí. Do tần suất khác nhau, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đủ mọi thứ sai biệt. Trên thực tế, tất cả hết thảy hiện tượng đều có thể quy về lượng tử, thứ cơ bản là lượng tử, có thể quy vào đó. Lượng tử có thể quy vào năng lượng, vì lượng tử vẫn là vật chất, nên có thể quy vào năng lượng. Điều này có thể giải thích lời đức Phật đã dạy trong kinh: “*Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến*”, vì tùy duyên thì mới có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

Vì bất biến, nhưng tùy duyên, nên biến thành nhiễm hay tịnh, hữu tình hay vô tình đủ mọi muôn pháp, nhưng tánh chất của nó là vĩnh hằng bất biến. Tánh là Pháp Tánh, pháp là đủ mọi muôn pháp. Tánh của đủ mọi muôn pháp là một tánh, cho nên đồng thể, chẳng sai biệt, có cùng một tự tánh. Vạn sự vạn vật đều do một tự tánh biến ra. Thế giới Cực Lạc là do tự tánh biến. Thế giới Hoa Tạng do tự tánh biến. Hai mươi tám tầng trời do tự tánh biến. Ngạ quỷ, địa ngục A Tỳ cũng do tự tánh biến. Quốc độ thanh tịnh trang nghiêm do tự tánh biến. Xã hội động loạn, khắp nơi có những vùng đất nẩy sanh tai nạn, cũng là do tự tánh biến. Rời khỏi tự tánh thì thứ gì cũng chẳng có, đó gọi là “*biết tổng tướng của các pháp*”, A La Hán hiểu được. Vì sao nó có thể thiên biến vạn hóa nhiều đường ấy? Đó gọi là “*biết biệt tướng của pháp*”. A La Hán chẳng biết biệt tướng của các pháp, nhưng Bồ Tát biết, danh từ Phật học gọi [sự thấy biết đó] là Đạo Chứng Trí, vạn sự vạn vật được hình thành do đạo lý nào. Chứng (種) là chủng loại, ngàn muôn phần sai khác. Vì đạo lý nào mà có thể biến thành tình trạng như vậy? Đối với loại trí huệ ấy A La Hán chẳng biết, nhưng Bồ Tát biết, nên Bồ Tát cao hơn A La Hán một bậc. A La Hán chỉ biết tổng tướng, chẳng biết biệt tướng. Bồ Tát biết tổng tướng, mà cũng biết biệt tướng, nhưng chưa đạt đến rốt ráo, chẳng triệt để. Đến lúc thành Phật Như Lai mới là rốt ráo viên mãn, gọi là chứng đắc Nhất Thiết Chứng Trí.

Tiếp đó, sách nêu một tỷ dụ, tỷ dụ này cũng thường được nhắc tới trong kinh. Chúng ta vừa mới dùng vàng và các món vật bằng vàng để làm tỷ dụ, đó là tỷ dụ thường được kinh Phật và cổ đại đức nói tới. Ở đây, dùng nước để tỷ dụ, sánh ví nước như Pháp Tánh, sóng được ví như Pháp Tướng. Nước chuyển động bèn dậy sóng. Nước là tĩnh, sóng là động. Nước có thể chiếu, giống như một tấm gương có thể soi cảnh giới bên ngoài. Sóng chẳng thể chiếu, sóng đã đánh mất tác dụng soi chiếu ấy. Vì thế, sánh ví Pháp Tánh như nước, sánh ví Pháp Tướng như sóng, “*nhi bất biến thất thủy chi tánh*” (mà tánh của nước chẳng biến đổi, bị mất đi), tánh của nước chính là tánh ướt. “*Pháp Tánh Chân Như, thuận thiện vô nhiễm*”. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong thiện - ác, tịnh trong chữ “*thuần tịnh*” chẳng là tịnh trong tịnh - nhiễm, thuận thiện vô nhiễm là tịnh. “*Duy dĩ duyên hữu nhiễm tịnh, nhi sở biến chi pháp hữu nhiễm tịnh chi biệt*” (chỉ vì duyên có nhiễm hay tịnh, mà pháp được biến bèn có nhiễm hay tịnh sai khác). Duyên có nhiễm hay tịnh, nhưng tánh chẳng có nhiễm hay tịnh. Trong lục đạo, duyên có thiện hay ác, tánh chẳng có thiện hay ác, chớ nên không biết điều này. Trong tự tánh, hễ chư vị nắm vững một nguyên tắc bèn dễ dàng hiểu rõ. Trong tự tánh chẳng có đối lập, vì nó là một Thể, nó là viên dung, chẳng có đối lập. Quý vị thấy chân và vọng, chẳng phải là đã đối lập rồi ư? Trong tự tánh chẳng có chân hay vọng, trong tự tánh chẳng có nhiễm hay tịnh, trong tự tánh chẳng có thiện hay ác, trong tự tánh chẳng có sanh hay diệt. Sanh diệt là tương đối, trong tự tánh chẳng tìm được

tương đối. Trong tự tánh chẳng có xa hay gần, xa hay gần là một cặp [đối lập]. Chẳng có xa hay gần, bèn chẳng có không gian. Trong tự tánh chẳng có trước, sau. Chẳng có trước sau, bèn chẳng có thời gian. Do vậy, trong tự tánh chẳng tìm được tương đối. Hễ có tương đối, sẽ chẳng phải là tự tánh, mà là Pháp Tướng. Trong Pháp Tướng có tương đối, trong Pháp Tánh chẳng có. Chúng ta làm như thế nào để chẳng tìm được tương đối trong Pháp Tướng thì quý vị kiến tánh. Phải làm như thế nào mới có thể thoát lìa tương đối? Tương đối là đối lập. [Để đạt đến] chẳng có đối lập thì đức Phật đã dạy chúng ta: Hãy buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, bèn chẳng có đối lập nữa. “Chẳng có” tức là đã kiến tánh. Tánh ở chỗ nào? Tất cả Pháp Tướng chẳng có một pháp nào chẳng phải là [Pháp Tánh], pháp nào cũng đều là, pháp nào cũng đều bình đẳng, pháp nào cũng đều viên dung.

Phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là ngay trong một sát-na, chúng ta thật sự có năng lực ấy, buông hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, phàm phu bèn thành Phật. Có người như vậy hay không? Có! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, lúc Ngài ba mươi tuổi, Ngài ở dưới cội Bồ Đề buông hết những gì đã học trong mười hai năm xuống, cũng có nghĩa là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều cùng buông xuống, bèn thành Phật. Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy thành Phật đơn giản như thế đó! Hễ buông xuống bèn kiến tánh, hễ kiến tánh bèn “không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”. Vì sao? Vì quý vị đã trọn đủ “có thể sanh, có thể hiện, có thể biến”, vạn sự vạn vật là sở sanh, sở hiện, sở biến (cái được sanh, cái được hiện, cái được biến). Đã nắm bắt được cội nguồn, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới quý vị đều hiểu rõ toàn bộ, chúng do tự tánh biến, chẳng đến từ bên ngoài. Ở Trung Quốc cũng có một tấm gương rõ rệt. Đồi Đường, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đã biểu diễn cho chúng ta, tức là Ngài ngay lập tức buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là “đốn xả”, chẳng phải là xả dần dần từng thứ một, mà là buông xuống ngay một lúc, nên gọi là “đốn xả”. Đốn xả nên đốn ngộ và đốn chứng, lập tức chứng đắc. Vì thế, hòa thượng Ngũ Tổ Nhân lập tức truyền y bát cho Ngài. Khi đó, Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, thành Phật! Người nào chứng minh cho Ngài? Hòa Thượng Ngũ Tổ Nhân đã chứng minh Lục Tổ đã thành Phật. Thành Phật là buông xuống, triệt để buông xuống, hiểu rõ triệt để vũ trụ, nhân sinh, vạn sự, vạn vật. Trong lịch sử Trung Quốc, có không ít những nhân vật như vậy. Từ hai ngàn năm qua, tối thiểu có hơn hai ngàn người đạt tới cảnh giới này. Trong tu học, buông xuống nhanh chóng nhất thì có thể nói Huệ Năng đại sư là bậc nhất, người khác buông xuống cũng phải mất một khoảng thời gian, một hai năm, hoặc đôi ba năm, hoặc dăm sáu năm, mười mấy năm, những trường hợp như thế rất nhiều. Nhanh chóng như Huệ Năng đại sư có lẽ chỉ có mình Ngài, chẳng tìm được người thứ hai. Có thể so sánh với Ngài, theo kinh điển ghi chép, Thích Ca Mâu Ni Phật buông xuống rất nhanh chóng.

Vì sao chúng ta không buông xuống được? Chúng ta coi những huyền tướng và giả tướng đều là thật, chẳng biết chúng là giả. Vì thế, dấy lên tham luyến đối với chúng, sanh khởi tâm tình yêu mến, đó là chuyện phiền phức! Dầu đọc kinh giáo đã nhiều, đức Phật đã vô số lần nhắc nhở chúng ta, chúng ta biết những thứ ấy (huyền tướng, giả tướng) là giả, nhưng vẫn y như cũ chẳng thể buông xuống được! Tình chấp quá sâu, tập khí phiền não quá nặng, nhưng cần phải biết: Không buông xuống, quyết định sẽ chẳng thể thành công.

Không buông xuống, nhất định phải luân hồi trong lục đạo. Nghĩ đến chuyện này, chúng ta bèn chẳng dám không buông xuống. Vì sao? Không buông xuống sẽ rất khổ, quý vị nói xem: Làm người khổ quá đi thôi! Đời này làm người, đời sau có thể làm thân người nữa hay không? Chẳng dám chắc! Vì sao? Đức Phật đã nói rõ ràng, nếu muốn đời sau được làm thân người, chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo tối thiểu phải đạt đến trung phẩm. Cũng tức là chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp Đạo giống như được thầy chấm điểm trong nhà trường, tối thiểu chúng ta phải đạt được bảy mươi, tám mươi điểm, đời sau mới hòng được mang thân người! Nếu quý vị có thể đạt được từ chín mươi điểm trở lên, hoặc đạt được một trăm điểm, quý vị đạt tiêu chuẩn sanh vào cõi trời hoặc cõi người trong đời sau. Năm mươi điểm khó đảm bảo, chẳng nhất định có thể được làm thân người. Nói chung, được bảy tám mươi điểm mới kể là chắc chắn đời sau được làm thân người. Chính chúng ta phải suy nghĩ, quý vị đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo mấy lượt, đối chiếu, tự mình chấm điểm bản thân, xem có thể đạt đến bảy, tám mươi điểm hay không? Nếu cảm thấy chẳng được thì sẽ bị phiền phức to lớn. Chớ nên chẳng biết đạo lý và chân tướng sự thật này.

Chúng ta lại xem tiếp: *“Hựu Hội Sớ viết: Bồ Tát hữu nhị chủng trí, năng vi nhất thiết tu hành bản”* (Lại nữa, sách Hội Sớ giảng: “Bồ Tát có hai thứ trí có thể làm căn bản cho hết thảy các sự tu hành”). Tu hành chẳng thể không có trí huệ. Không có trí huệ là *“tu mù, luyện đui”*. Rất nhiều kẻ ngỡ mình đang tu hành, trên thực tế là đang gây tạo oan nghiệt, đang tạo tác bất thiện, kẻ ấy thiếu trí huệ, tự cho là đang tu hành, chuyện như vậy rất nhiều. Vì vậy, thiếu trí huệ là không được. Hai thứ trí huệ ấy làm căn bản cho hết thảy các sự tu hành. *“Hà giả vi nhị? Nhất vị Như Lý Trí, năng chiếu chư pháp bản tánh, bất nhất, bất dị, bất sanh, bất diệt, thị danh thông chư pháp tánh”* (Những gì là hai? Một là Như Lý Trí, có thể chiếu bản tánh của các pháp, chẳng một, chẳng khác, chẳng sanh, chẳng diệt, nên gọi là “thông đạt tánh của các pháp”). Kinh nói đến điều này: Quý vị có Như Lý Trí, có trí huệ như thế, trí huệ ấy là gì? Có thể chiếu bản tánh của các pháp. Ngài dùng chữ *“chiếu kiến”*, chẳng nói *“thấy (kiến) bản tánh của các pháp”*. Ngài nói *“có thể chiếu”*, vì sao không dùng Kiến, mà dùng Chiếu? Trong Kiến có phân biệt, có chấp trước, có tình thức trong ấy. Chiếu kiến: Chúng ta cầm một tấm gương, dùng gương để soi một người, gương sẽ chiếu rõ ràng, rành rẽ, nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có thích hay không thích, đó là Chiếu Kiến. Trong kinh dùng chữ này, quý vị nên hiểu: Mắt chúng ta thấy sắc bên ngoài, mắt phải giống như một tấm gương, chớ nên có phân biệt, chấp trước, ưa thích, hay chẳng ưa thích. Quý vị vừa dấy niệm bèn là tình chấp, sai mất rồi, mê mất rồi! Dùng Chiếu Kiến, giống như một tấm gương; mắt ta giống như gương, [nhìn sự vật] rõ ràng, rành rẽ, nhưng trong [cái thấy ấy] chẳng có yêu ghét, chẳng có chán nàm, mà cũng chẳng có ưa thích, hoàn toàn là tâm bình đẳng. Đó là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến là trí huệ. Có phân biệt, có chấp trước, có yêu ghét, bèn là Tình Kiến, chẳng phải là Chiếu Kiến. Hễ trong ấy có tình thức thì tình thức là mê!

Chư vị hãy nhớ, Tình chẳng phải một chữ tốt đẹp! Trong Phật pháp, nó được gọi là *“mê tình”*, quý vị chẳng có trí huệ! Tình và trí là đối lập; Chiếu là trí, Tình là mê. Chiếu Kiến thì quý vị bèn thấy bản tánh của pháp, tánh lẫn tướng đều cùng thấy, thấy tướng bèn đồng thời thấy tánh. Thấy tánh là gì? Tánh - tướng chẳng một, chẳng khác, bất sanh, bất diệt; tánh bất sanh, bất diệt; tướng thì sao? Tướng cũng bất sanh, bất diệt. Tướng là có sanh, có diệt; vì sao nói nó chẳng sanh, chẳng diệt? Tốc độ [sanh diệt] quá nhanh, niệm

trước vừa diệt, niệm sau bèn sanh. Tốc độ nhanh đến mức độ nào? Dựa trên cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát bảo chúng ta: Một cái khay ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, cũng có nghĩa là trong một cái khay ngón tay có ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt, quý vị có thể tách ra từng lượt sanh diệt hay chẳng? Vì thế nói sanh diệt giống như chẳng sanh diệt. Đó là nói theo tướng. Tánh thì sao? Trong tánh chẳng có niệm, tánh có thể sanh ra niệm ấy. Chẳng phải là Đại Bồ Tát sẽ không làm được! Cảnh giới ấy mới gọi là “*thông chư pháp tánh*”, quý vị thông đạt, hiểu rõ tánh và tướng của hết thảy các pháp.

Câu kế tiếp là “*đạt chúng sanh tướng*”, đó là Như Lượng Trí. “*Nhị vị Như Lượng Trí, năng chiếu chúng sanh thù tướng*” (hai là Như Lượng Trí, có thể chiếu tướng khác biệt của chúng sanh), “*thù*” (殊) là bất đồng, [“*thù tướng*”] là các hiện tượng thiên sai vạn biệt. “*Mê, ngộ, phạm, thánh các dị*” (mê, ngộ, phạm, thánh, mỗi mỗi khác biệt), quý vị đều hiểu rõ ràng, minh bạch. “*Thị danh đạt chúng sanh tướng*” (đó gọi là “đạt chúng sanh tướng”). Câu kế tiếp nói rất hay: “*Có ‘thông chư pháp tánh’ thị Căn Bản Trí, ‘đạt chúng sanh tướng’ thị Sai Biệt Trí*” (vì thế, “thông hiểu tánh của các Pháp” là Căn Bản Trí, “thấu đạt chúng sanh tướng” là Sai Biệt Trí). Căn Bản Trí còn gọi là Thật Trí, thực tại; Sai Biệt Trí cũng gọi là Quyền Trí, tức phương tiện quyền xảo. Khi hóa độ chúng sanh, ở chung với chúng sanh, phải dùng Quyền Trí. Quyền Trí thiên biến vạn hóa; Căn Bản Trí là như như bất động, ở trong động mà chẳng động, nhưng trong không động lại có động. Do vậy, để biểu thị pháp, Phật pháp thường dùng pháp luân để biểu thị pháp, dùng luân, luân là gì? Viên, tức là hình tròn được nói trong Hình Học hiện thời. Đức Phật dùng điều này để biểu thị pháp. Chỉ có Viên thì mới có thể biểu thị trong động mà chẳng động. Viên là nói tới chu vi của nó, chúng ta thấy tấm gương này, cũng là một hình tròn, chu vi hình tròn là động. Vành bánh xe là động, nhưng tâm hình tròn ấy (trục bánh xe) chẳng động, quý vị thấy “trong động lại chẳng động”. Hình tròn có tâm hay không? Đương nhiên là có tâm. Tâm hình tròn ở đâu? Tìm chẳng được! Nó thật sự có tâm, nhưng chắc chắn quý vị chẳng tìm được. Quý vị chấm một điểm ở chỗ đó, cái chấm nhìn dưới kính lúp, do nó có diện tích, nên chẳng phải là điểm, [như vậy là] tìm điểm không được. Trong Hình Học nói “một điểm di động tạo thành đường, đường di động tạo thành mặt”, chúng ta có thể thấy được mặt, chứ đường cũng chẳng nhìn thấy, như vậy thì điểm càng chẳng nhìn thấy<sup>1</sup>. Dấu vết của điểm trọn chẳng tìm được. Nói theo lý luận, nó nhất định có. Chẳng có nó thì làm sao hình thành vòng tròn cho được? Do vậy, nhất định phải có tâm vòng tròn. Đức Phật dùng điều này để biểu thị Phật pháp, tâm đường tròn tượng trưng Pháp Tánh.

Vì thế, Pháp Tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, chẳng tìm Pháp Tánh được, nhưng Pháp Tánh trọn khắp hết thảy các chỗ, hết thảy các hiện tượng đều sanh từ Pháp Tánh. Quý vị thấy hình tròn, hình tròn bé, hình tròn lớn, dấu lớn cách mấy

1 Trong Hình Học, điểm và đường là các khái niệm trừu tượng. Điểm được định nghĩa là “*một phần không gian có mọi chiều kích thước bằng zero*”. Do vậy, khi ta vẽ hình tròn, chấm tâm hình tròn dễ dàng, nhưng do cái chấm ấy có kích thước nhất định (dù rất bé), nó chẳng phải là điểm, nên chẳng phải là tâm hình tròn. Đường được định nghĩa là “*tập hợp của nhiều điểm*” nhưng không có bề rộng. Khi ta vẽ một đường, do nó có bề rộng nhất định (dù rất bé hầu như không thấy được bằng mắt thường), nên nét vẽ ấy chẳng phải là đường.



đều chẳng rời khỏi tâm hình tròn. Chẳng có cái tâm ấy, hình tròn sẽ chẳng thể thành lập, khẳng định là có cái tâm ấy. Quý vị thấy cái tâm ấy có thể sanh, có thể hiện, có thể sanh ra đường tròn ấy, có thể hiện hình tròn. Nó có thể hiện, cho nên bắt đầu dĩ dùng chữ Không để tượng trưng cho nó. Kinh Bát Nhã thường nói: “*Sắc tức là Không*”, Sắc là gì? Đường tròn, Sắc là đường tròn. Không là gì? Không là tâm hình tròn. Chúng là một Thể, chẳng thể tách rời. Rời khỏi tâm đường tròn, lấy đâu ra tướng bánh xe? Tướng ấy chẳng còn nữa! Vì thế, nhà Phật dùng điều này để biểu thị pháp, gọi hết thảy các pháp là “pháp luân”, pháp luân biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta nhìn thấy hình tròn, bèn lập tức biết vũ trụ này chẳng phải Không, chẳng phải Có, mà cũng Không, cũng Có. Biết chân tướng sự thật, trí huệ đã mở mang, biết bản thể của hết thảy các pháp chính là Không, trọn chẳng thể được. Do lẽ đó, hết thảy các pháp có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng chẳng thể chiếm hữu, vì sao? Bản thể của nó chính là Không, quý vị chẳng chiếm hữu được! Không riêng gì bản thể của hết thảy vạn pháp chính là Không, mà bản thể của cái thân chúng ta cũng chính là Không, nên chúng ta mong chiếm hữu, không chế thân thể, sẽ chẳng làm được. Nếu có thể không chế và chiếm hữu thân thể này, ta sẽ khiến cho nó năm nào cũng là mười tám tuổi thì tốt quá, sống đến một ngàn năm vẫn là đáng vẻ mười tám, quý vị mới có năng lực chiếm hữu, không chế nó, nhưng quý vị làm không được. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng quyết định chớ nên có ý niệm không chế hoặc chiếm hữu. [Nếu có ý niệm ấy], quý vị đã tạo nghiệp, hễ tạo nghiệp bèn chắc chắn có khổ báo về sau. Người và người, người và Phật, Bồ Tát, mỗi người và hết thảy chúng sanh đều có duyên phận; người hiểu rõ thì phải nắm vững những duyên phận ấy, biến các duyên phận ấy thành pháp duyên, đừng nên biến thành tình duyên, càng chớ nên biến thành ác duyên, đó là đúng. Biến thành tình duyên sẽ phải trả nợ, biến thành ác duyên sẽ oan oan tương báo, vô cùng đau khổ! Biến thành pháp duyên sẽ tốt đẹp, tất cả mọi người giác ngộ, có thể cùng nhau tu hành, cùng nhau chứng quả, đồng tâm hiệp lực độ chúng sanh mê hoặc, điên đảo, đó là đúng, đây là đi theo cùng một con đường với Phật, Bồ Tát.

Nếu thật sự mong cho thế giới này an định, hòa bình, phương pháp rất đơn giản, con người sanh vào thế gian này, đầu tiên là phải hiểu lý, phải khai trí huệ, quý vị bèn có thể thấy thấu suốt, có thể buông xuống. Sau đây, chúng ta sống vài chục năm trong thế gian này, sống suốt mấy chục năm, theo đuổi một nghề nghiệp, khéo lo toan, thực hiện sự nghiệp ấy tốt đẹp, làm công việc ấy tốt đẹp, hỗ trợ, giúp đỡ những người làm nghề khác, xã hội này sẽ an tường, hòa thuận. Mọi người vâng giữ nghề nghiệp và chức trách của chính mình, đừng nên can thiệp nghề nghiệp của kẻ khác, mỗi cá nhân đều thực hiện tốt nghề nghiệp của chính mình. Giống như một bộ máy, bộ máy do rất nhiều linh kiện hợp thành, mỗi linh kiện đều tốt đẹp thì cỗ máy ấy sẽ vận hành suông sẻ. Nghề nghiệp của người xuất gia là gì? Dạy học, dạy học Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chúng ta kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật lưu lại sách giáo khoa, hãy nghiêm túc học tập, giảng giải cho những đồng học hữu duyên đến học tập, mọi người cùng nhau học tập, thực hiện tốt đẹp nghề nghiệp này. Nghề nghiệp này chủ yếu là giảng luân lý, đạo đức, nhân quả, mỗi ngành nghề trong xã hội đều phối hợp sẽ tốt đẹp lắm, đó là chuyện tốt. Đó là tiến hành giáo dục, giáo dục tôn giáo, đối với nhà Phật mà nói, hai chữ “giáo dục” vô cùng thiết thực. Giáo dục của Phật Đà xác thực là sự giáo dục chủ yếu, giáo học trọng yếu, giáo hóa đáng tôn sùng. Không chỉ có cống hiến đối với nhân loại, mà đối với chúng sanh trong mười pháp giới đều có cống hiến rất lớn, dạy chúng ta chứng đắc Căn Bản Trí và Hậu Đắc

Trí. Sai Biệt Trí là Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí là liễu giải chân tướng sự thật, đây là Căn Bản Trí. Hậu Đắc Trí là phương tiện thiện xảo, ứng dụng Căn Bản Trí vào cuộc sống hằng ngày, đó là Sai Biệt Trí. Chúng ta học “*thông đạt tánh tướng*” tới đây!

Bây giờ chúng ta lại xem tiếp, đoạn thứ hai là “*cúng Phật độ sanh*”, [tức là] cúng dường Phật, phổ độ chúng sanh. Câu này cũng hết sức quan trọng. Kinh văn:

**(Kinh) Cúng dường chư Phật. Khai đạo quần sanh.**

(經) 供養諸佛。開導群生。

**(Chánh kinh: Cúng dường chư Phật, khai thị, giáo hóa chúng sanh).**

Đối với hai câu này, chúng ta thấy [cụ Niệm Tổ giảng]: “*Cúng dường hữu nhị*” (cúng dường có hai loại), thứ nhất là tài cúng dường, thứ hai là pháp cúng dường. Chúng ta xem trước: “*Tài cúng dường, cúng dường hương, hoa, ẩm thực đẳng tài vật*” (Tài cúng dường: Cúng dường hương, hoa, thức ăn v.v... các món tài vật). [Chỉ nêu lên] ba thứ này, chứ phạm vi của tài vật rất rộng. Nói đến ba thứ ấy vì ba thứ ấy bao hàm ý nghĩa rất sâu. Hương biểu thị thông tin. Thông tin hiện thời đã phát triển đến truyền hình vệ tinh và mạng Internet. Vào thời cổ, truyền tin phải cậy vào hương. Nếu quý vị có dịp đến Trung Quốc vẫn cảnh, thăm Vạn Lý Trường Thành, quý vị sẽ hiểu đốt hương nhằm ý nghĩa gì. Vạn Lý Trường Thành là tuyến đường dài mấy ngàn dặm, phía ngoài trường thành là Hung Nô. Thời cổ, người Mông Cổ là dân tộc du mục, Trung Quốc là xứ nông nghiệp, lấy nông nghiệp lập quốc, tức là lấy trồng trọt làm chủ yếu. Những dân tộc du mục thường xâm lược, cướp đoạt, nên chánh quyền mới đắp trường thành để làm công sự phòng ngự. Khi họ tấn công thì làm thế nào? Làm cách nào để báo tin cho hoàng thượng để nhà vua nhanh chóng phái binh đến cứu? Do vậy, quý vị thấy trường thành, cứ cách mỗi khoảng lại có phong hỏa đài (烽火台). Phong hỏa đài là lò hương, đó là phong hỏa đài. Đốt gì? Đốt “*lang yên*” (狼煙), [tức là] đem phân chó sói đốt cho bốc khói, khói ấy chẳng dễ bị gió thổi tan. Khói phân sói là như vậy đó, chẳng bị thổi tan mất. Thấy phong hỏa đài [bên kia] đốt khói phân sói, phong hỏa đài bên này cũng đốt. Phong hỏa đài từ Ngọc Môn Quan<sup>2</sup> truyền đến Trường An, thời ấy thủ đô ở Trường An. Chỉ cần khoảng mấy giờ, ba bốn giờ liền truyền đến [kinh đô], Hoàng Thượng lập tức biết biên thù có địch nhân xâm lược. Do vậy, nó nhằm để truyền đạt tin tức.

Trong Phật pháp thì sao? Quý vị thấy lư hương giống như phong hỏa đài, chúng ta thắp một nén nhang là gì? Báo tin cùng Phật, Bồ Tát, có ý nghĩa này. Do vậy, đừng nên đốt hương quá nhiều. Hương đốt quá nhiều sẽ là khói đen mù mịt, không khí cũng bị ô nhiễm. Thắp một nén hương thơm, đó là biểu thị pháp, biểu thị tâm ý của chúng ta giao tiếp với

<sup>2</sup> Ngọc Môn Quan còn gọi là Tiểu Phương Bàn Thành, là một cửa ải trọng yếu của Trung Quốc nằm trên tuyến đường Tơ Lụa, là đường giao thông trọng yếu sang Tây Vực. Ngọc Môn Quan ở về phía Tây Bắc thành phố Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc. Cửa ải này được thành lập từ đời Hán. Tuy gọi là Quan, nhưng đây không phải là đường đèo, mà là một cửa thành phân cách Trung Hoa với các nước Tây Vực.

Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Quý vị thấy đó, bảo quý vị cúng dường thứ ấy, chúng ta thiện tâm thiện ý cúng dường Phật, Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Hiện thời người đốt hương đông đảo, mấy ai hiểu ý nghĩa này? Ý nghĩa ấy khiến Phật, Bồ Tát hoan hỷ. Hiện thời, đốt hương nhằm ý nghĩa gì? Bợ đỡ Phật, Bồ Tát, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ cho tôi thăng quan phát tài. Nếu tôi phát tài to, tôi phát tài một trăm vạn, sẽ đến cúng dường Ngài một vạn! Đàm phán điều kiện, coi Phật, Bồ Tát như tham quan ô lại, thấp hương như vậy làm sao có phước cho được? Há có lẽ ấy? Quý vị đã tính toán quá kỹ! Nếu Ngài phù hộ tôi được một trăm vạn, tôi sẽ đến cúng dường Ngài một vạn, thành ra thể thống gì! Ý niệm ấy đã sai be bét, niệm niệm đều tạo tội nghiệp, mà vẫn mong cầu Phật, Bồ Tát giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp, lẽ đâu có chuyện như vậy? Trong phần trước, chúng tôi đã nói rất rõ ràng, chức nghiệp của Phật, Bồ Tát là thầy giáo, chỉ quan tâm dạy dỗ tốt đẹp, chuyện gì khác đều chẳng màng tới! Thật vậy! Hành hạnh của chính mình cho tốt đẹp, chẳng quản gì khác, đó là đúng. Do vậy, quý vị hãy thật sự hiểu cúng dường Tam Bảo có ý nghĩa như thế đó, ngàn vạn lần đừng nên tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp là sai lầm quá đỗi. Hương cúng dường [là như vậy đó].

Hoa cúng dường là gì? Hoa tượng trưng cho nhân. Quý vị thấy thực vật nở hoa trước, kết trái sau. Chúng ta thấy thực vật trổ hoa tốt đẹp, bèn biết quả nhất định tươi tốt. Nếu hoa nở chẳng tốt, sẽ biết thân hoạch bị trục trặc, quả chẳng kết tốt đẹp. Hoa là như thế đó. Chúng ta tu cái nhân tốt đẹp, đó là hoa. Hoa tượng trưng cho tu nhân. Nếu cúng trái cây thì trái cây tượng trưng cho sự kết quả, chúng ta dùng thiện nhân thiện quả để cúng dường Phật, biểu thị ý nghĩa này. Chẳng phải là Phật muốn ngắm hoa ấy, muốn ăn những quả ấy, chẳng có lẽ đó! Bởi lẽ, trong Phật môn hết thấy đều là giáo học. Cúng trước Phật một chén nước thì nước ấy là gì? Nước là tâm chúng ta, tâm chúng ta phải trong sạch như nước, tâm chúng ta phải bình đẳng, đó là như kinh đã nói “thanh tịnh, bình đẳng”. Dùng nước để tượng trưng cho tâm thanh tịnh, bình đẳng. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát muốn uống nước. [Nếu hiểu là cúng nước cho các Ngài uống] thì trật rồi, toàn là để biểu thị pháp. Chúng ta hiểu rõ ý nghĩa này, hãy nhìn thấy những vật cúng ấy, chúng ta bèn hiểu phải làm theo cách nào, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chớ nên có tà niệm, chớ nên có tà hạnh, [những vật cúng ấy] đều nhằm dạy chúng ta.

[Dâng cúng] thức ăn là báo ân, các Ngài có ăn hay không? Các Ngài không ăn! Phật, Bồ Tát há ăn những thứ ấy? Vì sao dùng thức ăn để cúng dường? Thuở Phật, Bồ Tát tại thế, các Ngài khát thực. Chúng ta tài cúng dường Phật, Bồ Tát, tài cúng dường là một bát cơm. Có khi chẳng phải là một bát, mà là một muống cơm, một chút ít. Vì thế, đức Phật đi khát thực mỗi nhà, xin bảy nhà mới có một bát cơm. Chẳng phải là một nhà cho nhiều như thế, một nhà chẳng có nhiều như thế. Thuở ấy, con người sống rất kham khổ, chính mình bớt ăn một chút để cúng Phật, mang ý nghĩa này. Nay chúng ta chẳng quên gốc, chẳng quên tình trạng cuộc sống của thầy trong thuở ấy. Thầy khát thực, chúng ta cúng dường một chút cơm, chủ yếu là cơm. Nếu cúng dường thức ăn thì ba món thức ăn biểu thị điều gì? Tam đức lục vị, tối đa là sáu món. Sáu món tượng trưng cho sáu vị, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, bao gồm sáu vị ấy, đã viên mãn rồi. Vì thế, chớ nên cúng quá nhiều. Cúng quá nhiều là thất lễ, tỏ lộ sự bợ đỡ; cúng ít quá thì chẳng cung kính. Vì thế, tốt thiếu là ba món là đúng pháp, biểu thị tam đức, sáu món tượng trưng lục vị, đó là lễ tiết. Phật đối với chúng ta là pháp cúng dường, chúng ta đối với Phật là tài cúng dường. Phật lại chẳng cần

tài, chỉ cần một bát cơm. Mỗi ngày đi khát thực là một bát cơm, cho nên cúng dường thức ăn. Những tài vật khác, nói thật ra tùy thuộc vào chỗ [những món ấy] hữu dụng cho sự hóa độ chúng sanh của Phật [thì dâng cúng], chứ chỗ nào chẳng hữu dụng bèn chẳng cần đến. Đức Phật ngũ nhãn viên minh, vào thời ấy, tức là từ ba ngàn năm trước mà có thể thấy xã hội hiện tiền, trong thời đại ấy Ngài có thể chẳng cần đến tiền. Trong thời đại hiện tại, chẳng có tiền sẽ không được. Quý vị ra khỏi cửa ngõ xe hoặc ngõ thuyền chẳng giống như thời cổ. Thời cổ, xe, thuyền hề gặp người xuất gia bèn chẳng lấy tiền, họ biết cúng dường. Hiện thời chẳng được, bây giờ mà không mua vé, họ chẳng cho quý vị lên. Do vậy, hiện thời, nếu nhận lời thỉnh cầu, phải cần đến tiền đi đường và tiền tiêu dùng. Quý vị đến nơi nào đó, nếu là chỗ chùa, miếu, am, đường thì chẳng sao. Nếu chẳng có, các cư sĩ tạm thời thuê chỗ để thỉnh pháp sư giảng kinh, thường ngụ tại khách sạn, đều phải tốn tiền. Đức Phật nghĩ đủ mọi lẽ, nên sau đây cho quý vị cúng thêm tài vật. Phải nên nhớ, kinh thường nói: *“Trong hết thảy các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất”*. Nếu chẳng có pháp cúng dường, tài cúng dường chỉ tu được một chút phước, tức là phước báo nhân thiên, vẫn phải là [cúng dường những vị] có đức hạnh và tu trì thật sự, tốt nhất là những vị xuất gia chứng quả, quý vị mới thật sự gieo phước. Nếu chẳng phải là người thật sự tu hành, quý vị đến cúng dường kẻ ấy, tức là đã phạm lỗi, chớ nên không biết những hiện tượng ấy.

Hiện thời, Phật pháp suy vi, suy đến mức nào? Suy đến mức người học Phật chúng ta chẳng đúng pháp. Cứu vớt Phật pháp bằng cách nào? Hiện thời Phật pháp có nguy cơ, phải dùng phương pháp gì để cứu vớt nguy cơ cho Phật pháp? Hãy nghiêm túc học Phật. Nghiêm túc học Phật thì nhất định phải trì giới, phải tu Định, phải khai trí huệ. Tu Định, có nhất định phải tu Thiên Định hay không? Chẳng nhất định! Quý vị phải biết tám vạn bốn ngàn pháp môn được nói trong Đại Thừa Phật pháp, môn nào cũng đều là Thiên Định. Nếu pháp môn nào rời khỏi Giới - Định - Huệ, đó chẳng phải là Phật pháp, phải biết điều này! Phật pháp chân chánh là gì? Phật pháp chân chánh quyết định nương theo Giới - Định - Huệ. Thứ nhất là phải trì giới, chẳng trì giới là giả, chẳng thật. Nếu không trì giới, ngay cả phước cũng chẳng tu được, Định - Huệ càng chẳng cần phải nói nữa! Đầu tiên là trì giới. Trì giới thực hiện từ chỗ nào? Hiện thời, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng học: Hãy thực hiện từ Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là giới luật căn bản. Có thể làm được Đệ Tử Quy, sẽ tu Cảm Ứng Thiên tốt đẹp, quý vị có thể thực hiện Cảm Ứng Thiên. Hai thứ ấy là căn cơ của Phật pháp, các đồng học học Phật chớ nên không biết. Trong Phật Tạng Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật, [tôi nói] Phật Tạng Kinh, chẳng phải là Đại Tạng Kinh, trong các bộ kinh Phật có một quyển kinh chẳng lớn, phân lượng chẳng nhiều lắm, tựa đề của kinh là Phật Tạng Kinh. Trong kinh ấy, đức Phật dạy chúng ta, Ngài nói: *“Phật tử”*, tức là đệ tử của Phật, *“chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật”*. Đức Phật nói rất nghiêm túc, quý vị học Phật mà chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị là học trò của Ngài. Giống như đi học, trước hết, quý vị phải học Tiểu Học, rồi học Trung Học, rồi học Đại Học, đó là đúng. Nếu quý vị nhảy lớp, chẳng cần đến Tiểu Học mà học ngay vào Đại Học, đức Phật chẳng thừa nhận quý vị.

Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, kinh điển Tiểu Thừa được phiên dịch hết sức hoàn bị, kinh điển Đại Thừa được tuyển chọn để phiên dịch. Vì sao? Quá nhiều! Thuở ấy giao thông hết sức bất tiện, chuyên chở [kinh điển] đến Trung Quốc rất khó khăn. Do vậy, trong các kinh điển Đại Thừa phải tuyển chọn, tuyển chọn những bộ hay nhất, thích

hợp cho người Trung Quốc học tập, chọn lựa những bộ kinh ấy. Có thể là [những kinh Đại Thừa vốn có tại Ấn Độ] truyền đến Trung Quốc chưa được một nửa, chúng ta chớ nên không biết [điều này]. Tiểu Thừa là cơ sở, cơ sở rất trọng yếu, vì thế, kinh Tiểu Thừa được phiên dịch vô cùng hoàn bị. Hiện thời, Tứ A Hàm trong Đại Tạng Kinh [bằng tiếng Hán] là kinh Tiểu Thừa. Đối chiếu với Nam Truyền Đại Tạng Kinh bằng tiếng Ba Lợi (Pali) của các nước theo [Phật giáo] Nam Truyền như Thái Lan, Miến Điện, điển tịch bằng tiếng Pali so với [các kinh Tiểu Thừa] tiếng Hán đại khái chỉ nhiều hơn năm mươi bộ. Hơn ba ngàn bộ kinh mà chỉ nhiều hơn năm mươi bộ, chẳng đáng kể! Ta biết: Tại Trung Quốc, kinh Tiểu Thừa được dịch hoàn bị như thế. Do vậy, tại Trung Quốc có hai tông phái Tiểu Thừa là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Đòi Đường có [hai tông ấy], đều là trước hết đặt vững cơ sở Tiểu Thừa rồi mới có thể học Đại Thừa. Nhưng nói thật ra, người Trung Hoa đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc lưu luyện rất sâu, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng học Tiểu Thừa nữa. Có trái nghịch ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni Phật hay không? Chẳng có! Vì những vị cao tăng đại đức Trung Quốc nhận thấy Nho và Đạo của Trung Quốc chẳng thua kém Tiểu Thừa.

Do vậy, ở Trung Quốc, bất luận tại gia hay xuất gia đều chẳng học Tiểu Thừa, mà học Nho, học Đạo. Nho và Đạo là văn hóa bản địa của Trung Quốc, [dùng Nho và Đạo] thay thế Tiểu Thừa bèn thành công. Vì thế, cho tới hiện tại, suốt một ngàn bảy trăm năm qua đều làm như vậy. Trong một ngàn bảy trăm năm ấy, trong mỗi tông phái xuất hiện rất nhiều vị cao tăng, tổ sư, đại đức, chứng tỏ [cách làm ấy] hữu hiệu, dùng Nho và Đạo thay thế Tiểu Thừa hữu hiệu. Vì vậy, tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo biến thành một nhà, trên hình thức bèn có Nho, Thích, Đạo, nhưng xét theo thực chất, chẳng có gì không học. Người học Phật đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, cũng học Lão Trang. Đạo trưởng Đạo Giáo cũng học kinh Phật, cũng học sách Nho. Người học Nho gia cũng học Đạo và Phật. Vì vậy, trên thực tế thì đã dung thông từ mấy ngàn năm trước. Tại Thiệu Lâm Tự, chúng tôi phát hiện một tấm bia, theo truyền thuyết, tấm bia ấy được lập vào thời Đường Túc Tông. Đường Túc Tông là con Đường Minh Hoàng, tối thiểu là hơn một ngàn bốn trăm năm. Bia ấy ghi điều gì? *“Tam giáo cửu lưu là một nhà”*. Nay chúng ta nói là “đa nguyên văn hóa”, nói tới tôn giáo đại đoàn kết. Thời đại Đường Túc Tông đã lập bia ở đó, cho thấy đúng là từ thuở ấy, người ta đã bắt đầu quan niệm *“tam giáo cửu lưu là một nhà”*, tư tưởng văn hóa đa nguyên phát triển khá sớm tại Trung Quốc, đã được đề ra từ đời Đường, chẳng phải là một học thuyết thời trang trong hiện tại. Do vậy, pháp cúng dường là trọng yếu.

Ba căn bản Nho - Thích - Đạo rất trọng yếu, ba căn bản ấy là căn bản của giới luật. Học tập nhất định phải khởi sự từ Đệ Tử Quy, thứ hai là Cảm Ứng Thiên, thứ ba là Thập Thiện Nghiệp Đạo, có cơ sở ấy rồi mới học Phật sẽ chẳng có vấn đề gì. Hàng xuất gia còn phải học thêm một quyển nữa là Sa Di Luật Nghi, tức là bốn căn bản. Sau khi đã vun quén vững bền bốn căn bản ấy, bất luận học Nho, học Đạo, hay học Phật, quyết định có thành tựu. Học Nho thành thánh, thành hiền, học Đạo thành thần, thành tiên, học Phật thành Phật, thành Bồ Tát, thật sự có thể đạt được. Do vậy, quý vị chẳng có căn bản, sẽ không được. Chẳng có căn bản, học nhọc nhằn cả đời, đến cuối cùng vẫn chẳng có kết quả, quý vị hiểu vun bồi căn bản trọng yếu lắm! Có bốn căn bản ấy, Phật giáo sẽ hưng vượng. Chẳng có bốn căn bản ấy, chắc chắn Phật giáo sẽ diệt vong, chúng ta chớ nên không chú ý điều này. Nay chúng ta cúng dường Tam Bảo, hãy dùng giáo dục vun bồi căn bản, sau đó thâm nhập

một môn, huân tu lâu dài, đó là cúng dường thật sự. Sự cúng dường này sẽ khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, nối tiếp huệ mạng của Phật. Do sự cúng dường chân thật này, đời này sẽ chẳng uổng phí, đời này ta đã kiến công lập nghiệp trong cõi nhân gian này, thật sự có giá trị. Vì thế, hiện tại, chớ nên không biết điều này, hãy đúng pháp tu hành, lợi ích chúng sanh. Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã suốt đời thị hiện, làm cho chúng ta thấy, thân hành, ngôn giáo, những giới luật trong kinh Phật Ngài đã thực hiện toàn bộ. Đối với những gì đã nói trong kinh điển, chẳng có câu nào Ngài chẳng làm được, đấy mới là một vị thầy tốt đẹp!

Vì vậy, chúng ta phải tu cúng dường. Tiếp đó, [sách Chú Giải] lại nói: “*Hựu phân tam chủng*” (lại chia thành ba thứ [cúng dường]), nói đến ba loại cúng dường, cúng dường lại chia ra ba loại. Loại thứ nhất là “*lợi cúng dường*”, trong phần trên, lợi cúng dường được gọi là tài cúng dường, “*phụng hương, hoa, ẩm thực đẳng dã*” (dâng cúng hương, hoa, thức ăn v.v...). Thứ hai là “*kính cúng dường, tán thán cung kính dã*” (kính cúng dường tức là tán thán, cung kính), loại cúng dường này nhằm giới thiệu Phật, Bồ Tát với học trò. Chư vị phải biết Phật pháp là sư đạo, thầy luôn vô cùng khiêm hư, người càng có đức hạnh càng khiêm hư. Quý vị thỉnh giáo họ, họ nói chuyện gì ta cũng đều không biết, quý vị hãy nên tìm người cao minh để thỉnh giáo. Tuyệt đối chẳng có một vị thầy nào nói: “Ta ngon lành lắm nghe! Quý vị đều đến tìm ta, quý vị hẳn không hiểu điều gì đều nên tìm đến ta”, vị thầy ấy chẳng như vậy! Hiện thời thì có, có rất nhiều [vị thầy tự tăng bốc mình như vậy], chứ thời cổ chẳng tìm thấy, thời cổ luôn là khiêm hư. Do đó, trường học hiện thời chiêu sinh; trước kia, chẳng có vị thầy nào dám chiêu sinh, [bởi chiêu sinh tức là] quý vị quá cuồng vọng, quá tự đại! Chiêu sinh tỏ lộ điều gì? Ta là một vị thầy giỏi, ta có năng lực dạy quý vị, các vị đều theo ta, [biểu lộ tâm thái kiêu căng] như vậy đó! Trước kia, thầy chẳng vậy, trước kia thầy khiêm hư. Học trò làm cách nào? Đồng học giới thiệu, tôi học ở đây khá lắm, tôi giới thiệu một vị, vị thầy ấy khá lắm, quý vị có thể cùng với tôi học theo thầy. Giới thiệu thầy, chẳng phải là chiêu sinh. Chúng ta phải tiếp đãi chúng như thế nào? Đãi chúng chẳng nhận biết thầy. Vì thế, học trò phải nêu bày tấm gương rất tốt đẹp, cung kính, tán thán thầy, người khác nhìn vào, đó là gì? Cung kính nhằm thay thầy giới thiệu với học trò, có ý nghĩa như thế.

Chẳng phải là thầy nhất định cần chúng ta cung kính, chẳng phải vậy, thầy chẳng nói lời ấy. Trong tâm chúng ta cung kính thầy, tốt lắm, trên hình thức có cần thiết hay không? Trên hình thức thì không cần, hình thức là diễn tuồng cho người chẳng biết, chẳng nhận biết nhìn vào. Càng là người có địa vị, tín đồ tại gia có địa vị, có học vấn, cung kính người xuất gia dường ấy, người khác trông thấy, [sẽ nghĩ] nhất định [vị xuất gia ấy] có đạo đức, nhất định là bậc lỗi lạc, ai nấy đều kéo đến. Đây là nghĩa vụ phải nên trọn hết của hàng học trò. Một vị thầy tốt đẹp dường ấy, nhưng người ta chẳng nhận biết, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ rất đáng tiếc. Chúng ta biết kẻ hữu duyên mà chẳng giới thiệu cho họ, đó là tội lỗi, chúng ta có nghĩa vụ giới thiệu. Lúc thầy còn sống, phải thường đến thăm thầy, đó là gì? Làm cho đại chúng trong xã hội thấy, biết: Bậc cao nhân ấy tuy im lặng, chẳng nghe tới tiếng tăm, nhưng thật sự có tu trì, thật sự có đạo đức, thật sự có học vấn, hãy giới thiệu rộng rãi. Thầy mất, tạo dựng từ đường kỷ niệm thầy. Thầy để lại trước tác, phải giới thiệu cho người đời sau biết, chịu học theo thầy. Trong giảng đường, phòng học, chúng ta thờ ảnh thầy. Đó là gì? Giới thiệu thầy cùng quảng đại quần chúng, khiến cho mọi người nhận

biết thầy. Thầy đã khuất, quả thật vẫn còn trước tác lưu truyền hậu thế, trong tương lai, người ta trông thấy những thứ ấy, biết là của báu, là trước tác của người thật sự có đức hạnh, có học vấn, có tu hành, sẽ hết sức coi trọng, nhất tâm nhất ý học tập vị ấy, mục đích ở chỗ này.

Thuở đức Phật tại thế, mọi người biết Ngài suốt đời chẳng có trụ xứ, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dựng một đạo tràng hay một ngôi chùa miếu nào, chẳng có! Cả đời chẳng làm! Khi viên tịch là ở vùng quê, trong rừng. Sau khi đức Phật khuất bóng, quý vị thấy người đời dựng đại hùng bảo điện giống như hoàng cung, tạc tượng Ngài thờ phụng trong ấy, đó là gì? Đều là khiến cho nhân dân sanh lòng kính ngưỡng đối với thầy. Có thể kính ngưỡng vị thầy ấy, cũng sẽ kính ngưỡng học trò, nảy sanh tín tâm và hứng thú đối với kinh điển di giáo của thầy, các đệ tử đức Phật đến dạy bảo, họ sẽ hoan hỷ tiếp nhận, dụng ý ở chỗ này. Thoạt đầu, tạo lập tự viện am đường thật sự là trường học. Tự viện am đường lên lớp mỗi ngày, chúng ta giảng kinh là lên lớp. Chẳng phải chỉ là một vị thầy, mà những vị thầy thật sự thân hành ngôn giáo, trong đại tự viện có mấy chục vị, tiểu tự viện đại khái cũng có chừng mười vị, cho nên các vị ấy dạy học chẳng gián đoạn. Có lắm lúc, thuận theo yêu cầu của học trò, đặc biệt mở khóa học cho họ. Điện đường là phòng học, mỗi điện đường đều mở lớp, giống như trường học. Nhưng học trò chẳng thể môn nào cũng học, không thể được! Cổ nhân Trung Quốc dạy học, nhấn mạnh “*giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đạo giáo dục là cốt yếu tinh chuyên), tuy câu này do tổ tiên đề ra, nhưng Phật giáo tuân thủ, nên quý vị học kinh giáo chỉ có thể học một môn, chẳng thể học rất nhiều môn [cùng một lúc].

Giống như hiện thời chúng ta buổi sáng trong hai tiếng đồng hồ học kinh Vô Lượng Thọ ở đây, phòng học sát vách giảng kinh Kim Cang, quý vị nghe tôi giảng ở đây xong, lại sang bên kia nghe kinh Kim Cang, có được hay không? Không được! Quý vị chỉ có thể học một thứ, chẳng thể đồng thời học rất nhiều thứ. Học một thứ xong, học xong một khoa mục, học hoàn tất một khoa mục này rồi, quý vị có thể chọn một khoa mục khác, lại có thể chọn một bộ kinh khác để tu. Khoa mục này học chưa xong, chẳng thể học khoa thứ hai! Thâm nhập một môn sẽ đắc Định. Do Giới đắc Định, Giới là quy củ, nghiêm ngặt tuân thủ quy củ, tâm người ấy thanh tịnh bèn có thể đắc Định. Thời gian Định đã lâu, lại nghe kinh hằng ngày, bất ngờ một lúc nào đó, hoát nhiên đại ngộ, tức là khai ngộ, đấy mới là mục tiêu học tập. Do vậy, mục tiêu học tập của chúng ta, thứ nhất là đắc tâm thanh tịnh, thứ hai là đắc định, thứ ba là khai ngộ, đạt đến khai ngộ sẽ là viên mãn. Sau khi khai ngộ, bất luận là kinh giáo nào hoặc giảng đường của người nào đều hoan nghênh quý vị đến nghe. Trước khi khai ngộ, không được! Quý vị chỉ có thể học một môn, chẳng thể học hai môn. Đây là Kính Cúng Đường, hãy hiểu ý nghĩa chân thật của sự cung kính.

Thứ ba là “*hành cúng dường, thọ trì tu hành diệu pháp*”. Thầy khảo hạch học trò, tức là đối với thành tích của học trò, muốn khảo sát trên phương diện này. Nói cách khác, quý vị có làm được những gì quý vị đã học hay chẳng? Nếu chẳng thể áp dụng những thứ đã học vào cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, tức là quý vị chưa học được! Nói cách khác là thất bại, chẳng thể thọ dụng. Vì thế, Phật pháp thật sự là một học vấn, chẳng giả, học đến mức dùng được, điều này được coi trọng hơn bất cứ chuyện gì khác. Quý vị học xong, chẳng đạt được lợi ích chân thật thì học để làm gì? Lợi ích chân thật đầu tiên là thân tâm thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, chắc chắn! Đây là lợi

ích mà bản thân quý vị đạt được. Quả nhiên, tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng, quý vị hãy nên suy nghĩ: Quý vị tại gia học Phật, gia đình quý vị có hạnh phúc hay không? Quý vị có thể mang lại hạnh phúc cho gia đình, có trí huệ, có đức hạnh, sự nghiệp kinh doanh của quý vị là sự nghiệp Bồ Tát. Hiện thời, tại Trung Quốc có mấy chỗ làm mẫu, [chẳng hạn như] công ty xí nghiệp của ông Hồ Tiểu Lâm là Bồ Tát xí nghiệp. Bà tổng giám đốc Lưu Khắc Thành ở Thanh Đảo cũng áp dụng Đệ Tử Quy vào toàn thể công ty, công nhân hơn một ngàn người biến thành người một nhà, bà ta thật sự làm được, thật sự vận dụng, Bồ Tát xí nghiệp đấy. Hành cúng dường quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác, thật sự hành, thật sự làm, đó là thật. Làm không được thì hằng ngày niệm kinh, hằng ngày nghe kinh giáo, nhưng làm không được thì vô dụng, chẳng phải là lợi ích chân thật. Thọ (受) là tiếp nhận, Trì (持) là gìn giữ chẳng để mất, Tu (修) là sửa chữa, Hành (行) là hành vi. Trước đây, trong cách nghĩ và cách làm để lo toan nhà cửa, kinh doanh sự nghiệp của quý vị đã sai trật, nay đã giác ngộ, hiểu rõ, bèn nương theo phương pháp của Phật, nương theo phương pháp trong Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên để uốn nắn, vun bồi bền vững ba căn bản ấy trong gia đình, trong sự nghiệp, vận dụng Phật pháp đã học tập, khiến cho tất cả nhân công và mọi người đều đạt được lợi ích nơi pháp, đó là tu hành.

“Chân Giải viết: *Năng du vô lượng Phật độ, hưng cúng dường vân, cố vân cúng dường chư Phật*” (Sách Chân Giải nói: “Có thể dạo trong vô lượng cõi Phật, nổi mây cúng dường, nên nói là cúng dường chư Phật”). Sau chữ Cúng Dường dùng chữ Vân (雲), trong kinh Phật dùng chữ này rất nhiều, chữ này tượng trưng điều gì? Tượng trưng “chẳng chấp tướng”, là Căn Bản Trí. Mây chẳng phải Không, chẳng phải Có. Chúng ta ở trên mặt đất thấy mây là có, nhưng quý vị ngồi máy bay đến đó, thấy nó chẳng có. Vì vậy, nó tượng trưng điều gì? Hình tướng dường như có, nhưng trên thực tế chẳng có, biểu thị ý nghĩa này. [Điều ấy] dạy quý vị trong cuộc sống hằng ngày, dầu làm nhiều chuyện tốt đẹp đến mấy, tâm địa quý vị phải thanh tịnh, chớ nên chấp tướng, hễ chấp tướng là trật rồi. Mây tượng trưng “không chấp trước, chẳng phân biệt”, ý nghĩa càng sâu hơn là “chẳng khởi tâm, không động niệm”, biểu thị điều này. Vì vậy, “*hưng cúng dường vân*” (nổi mây cúng dường) là tự hành, sau khi tự hành phải biết hóa tha, giúp đỡ người khác, “*khai đạo quần sanh*”. “*Như Duy Ma kinh viết: Tuy tri chư Phật quốc cập chúng sanh không*” (như kinh Duy Ma nói: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh là không”), phạm những gì có tướng đều là hư vọng, “*nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh. Thị danh khai đạo quần sanh*” (nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh. Đó là khai đạo quần sanh). Biết cõi nước cũng là rỗng không, chúng sanh cũng là rỗng không, nhưng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, chỉ dạy chúng sanh, nêu gương tốt cho chúng sanh chẳng ngưng nghỉ ngày nào, chẳng tiêu cực, làm hết sức tích cực, phải hiểu ý nghĩa này. Vì vậy, tự hành rồi sau đó mới có thể hóa tha. Chính mình chưa làm được, mà dạy kẻ khác làm, kẻ khác chẳng tin, bảo quý vị là giả dối, lừa gạt họ. Chính quý vị đã thật sự làm được, sau đấy dạy họ, họ sẽ cảm ơn, thật sự học tập theo quý vị, vì sao? Thấy quý vị quá tốt, quả thật là cao minh hơn ta, làm tốt hơn ta nhiều quá, ta phải nên học theo quý vị. Vì thế, ở phía sau có một câu này, nói lên sứ mạng của Phật, Bồ Tát trong thế gian này, chẳng có gì khác. “*Khai*” là khai khai (開啟: khơi gợi), “*đạo*” là dẫn đạo (引導: dẫn dắt, hướng dẫn), khơi gợi hết thảy chúng sanh đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, giúp xã hội khôi phục an định, hòa hài. Giáo dục



truyền thống Trung Quốc đã nói: “*Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. Chữ “*gia*” của Trung Quốc trước đây có thể thay thế bằng xí nghiệp trong hiện thời, vì [xí nghiệp] là một đại gia đình, kinh doanh xí nghiệp là kinh doanh một đại gia đình. Một đại gia đình mà thứ gì cũng đều đúng pháp thì chính là công hiến lớn nhất đối với xã hội và quốc gia, đem lại sự an tường, hòa thuận trong xã hội, đem lại hòa bình cho thế giới. Mục tiêu chung cực là thấu hiểu Phật pháp, hãy nên thường tu Tịnh Độ, để đời sau chẳng còn luân hồi trong lục đạo. Đây mới là thật sự rốt ráo. Phải có thương nhân Bồ Tát tại gia thật sự kinh doanh sự nghiệp này, thúc đẩy xã hội, đó là chuyện tốt đẹp. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.